

Số: /2021/TT-BNNPTNT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

THÔNG TƯ
Quy định hồ sơ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo vệ thực vật;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư quy định hồ sơ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định quy cách, cách ghi, sử dụng mẫu giấy, mẫu dấu nghiệp vụ, mẫu tem niêm phong kiểm dịch thực vật; ký giấy, đóng dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung quy định tại Điều 1 Thông tư này.

Điều 3. Mẫu giấy, mẫu dấu nghiệp vụ và mẫu tem niêm phong kiểm dịch thực vật

Ban hành kèm theo Thông tư này 06 mẫu giấy nghiệp vụ kiểm dịch thực vật tại Phụ lục I; mẫu dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật tại Phụ lục II; mẫu tem niêm phong kiểm dịch thực vật tại Phụ lục III.

Điều 4. Quy cách mẫu giấy nghiệp vụ, dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

1. Quy cách mẫu giấy nghiệp vụ kiểm dịch thực vật tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này như sau:

a) Các mẫu giấy 1, 2, 3, 4, 5 và 6 thống nhất sử dụng khổ giấy A4 (210mm x 297mm);

b) Các mẫu giấy nghiệp vụ số 2 và 4 được thiết kế song ngữ Việt - Anh;

c) Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VI ban hành

kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định trình tự, thủ tục kiểm dịch thực vật nhập khẩu, xuất khẩu, quá cảnh và sau nhập khẩu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật (sau đây viết tắt là Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT) sử dụng chất liệu giấy carbon loại giấy in máy tính liên tục, khổ giấy 219mm x 305mm (không kể phần biên giấy); được thiết kế song ngữ Việt – Anh; phôi giấy với hoa văn màu trên nền giấy trắng được sử dụng kết hợp với phần mềm chuyên dụng. Các liên phát hành hoa văn và nền màu xanh lá cây nhạt, liên lưu: hoa văn màu vàng trên nền trắng.

2. Quy cách dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này như sau:

a) Dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật hình elip; kích thước 5cm x 3cm. Phần chính giữa là kiểm dịch thực vật hiệu. Hai đầu dấu theo chiều ngang có hình ngôi sao. Viền quanh dấu ghi 2 dòng bằng tiếng Anh:

Dòng trên: “Socialist Republic of Vietnam”

Dòng dưới: “Plant Quarantine Service”.

b) Dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật được làm kiểu dấu tự động, liền mực, sử dụng mực màu xanh lam. Chất liệu mặt dấu làm bằng cao su chịu dầu.

3. Quy cách tem niêm phong kiểm dịch thực vật tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này như sau:

Tem niêm phong kiểm dịch thực vật hình elip; kích thước 7cm x 3cm. Hai đầu tem theo chiều ngang có hình ngôi sao. Viền quanh tem ghi 2 dòng bằng tiếng Anh: “Plant Quarantine of Vietnam”.

Điều 5. Cách ghi và sử dụng mẫu giấy nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

1. Cách ghi mẫu giấy nghiệp vụ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này như sau:

a) Tên cơ quan chủ quản: tên cơ quan chủ quản cấp trên trực tiếp;

b) Tên cơ quan kiểm dịch thực vật: tên cơ quan kiểm dịch thực vật cấp giấy;

c) Giấy nghiệp vụ kiểm dịch thực vật được hoàn thiện bằng cách lựa chọn và đánh dấu (x) vào các ô vuông thích hợp ở đầu dòng hoặc điền các thông tin khai báo, đăng ký theo yêu cầu cụ thể tại từng mẫu giấy. Trường hợp không có lựa chọn thích hợp, ghi nội dung vào các mục “trường hợp khác” hoặc “kết luận khác” phù hợp với thực tế.

2. Sử dụng mẫu giấy nghiệp vụ tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này như sau:

a) Mẫu giấy 1 được cơ quan kiểm dịch thực vật lập trên máy tính. Trường hợp Trạm kiểm dịch thực vật chưa có máy tính có thể sử dụng mẫu giấy in sẵn để ghi chép theo nghiệp vụ kiểm dịch thực vật;

b) Các mẫu giấy nghiệp vụ số 2, 3 và 5 được in sẵn hoặc được lập trên môi trường điện tử để công chức kiểm dịch thực vật sử dụng khi kiểm tra phương tiện vận chuyển, lấy mẫu, điều tra và giám sát khử trùng theo nghiệp vụ kiểm dịch thực vật;

c) Mẫu giấy 6 được tổ chức giám định lập trên máy vi tính;

d) Mẫu Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT sử dụng phần mềm chuyên dụng về kiểm dịch thực vật và in ra trên các loại phôi giấy chứng nhận do Cục Bảo vệ thực vật cấp.

Trường hợp Trạm kiểm dịch thực vật chưa có máy tính có thể sử dụng máy chữ để ghi nội dung cần thiết lên phôi giấy. Liên đầu tiên (hoa văn màu vàng) được lưu tại đơn vị kiểm dịch thực vật, các liên sau (hoa văn màu xanh) được cấp cho chủ vật thể. Bản chính được đóng dấu “Origin”, bản sao được đóng dấu “Copy”.

Việc đánh số thứ tự trên các mẫu giấy quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VI như sau: Số thứ tự do đơn vị hoặc Trạm kiểm dịch thực vật cấp (6 chữ số)/năm cấp giấy (2 chữ số cuối của năm)/mã đơn vị (2 chữ số) và mã trạm kiểm dịch thực vật cấp giấy (2 chữ số) liền nhau.

Trường hợp cần đính kèm theo Danh mục vật thể kiểm dịch thực vật, phải đóng giáp lai dấu nghiệp vụ vào mặt sau Giấy chứng nhận và Danh mục.

Điều 6. Sử dụng dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

1. Dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật được sử dụng đóng vào mục “Dấu của cơ quan” tại mẫu giấy quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT.

2. Việc quản lý dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật được thực hiện theo quy định pháp luật về công tác văn thư.

Điều 7. Ký giấy, đóng dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật

1. Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu quy định Phụ lục V và Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT do Lãnh đạo Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng hoặc

lãnh đạo Trạm kiểm dịch thực vật hoặc lãnh đạo Phòng thuộc Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng ký, đóng dấu nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

2. Giấy đăng ký kiểm dịch, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật nhập khẩu, quá cảnh và vận chuyển nội địa, Giấy tạm cấp kết quả kiểm dịch thực vật quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT; Lệnh giữ lại và xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu đối với vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật nhập khẩu (QCVN 01-192:2020/BNNPTNT) và Mẫu giấy số 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này do lãnh đạo Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng, lãnh đạo Trạm kiểm dịch thực vật hoặc lãnh đạo Phòng thuộc Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng ký, đóng dấu.

3. Giấy đăng ký kiểm dịch thực vật xuất khẩu/tái xuất khẩu/hoặc tái xuất khẩu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT, các mẫu giấy 1, 2, 3 và 4 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này do công chức kiểm dịch thực vật ký và được đóng dấu treo của Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng hoặc Trạm Kiểm dịch thực vật.

4. Mẫu giấy 6 quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này do Lãnh đạo Tổ chức giám định sinh vật gây hại hoặc cán bộ phụ trách phòng giám định, cán bộ quản lý kỹ thuật phòng giám định ký, đóng dấu.

Điều 8. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân

1. Cục Bảo vệ thực vật

- a) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện Thông tư này;
- b) Thực hiện, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc lập hồ sơ về kiểm dịch thực vật theo đúng các quy định của pháp luật;
- c) In ấn phôi Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu theo mẫu quy định tại Phụ lục V và Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư số 33/2014/TT-BNNPTNT, tem niêm phong theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này; đặt làm, quản lý dấu nghiệp vụ theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;
- d) Cấp phát phôi Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật, Giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật tái xuất khẩu, dấu nghiệp vụ, Tem niêm phong quy định tại điểm c khoản này cho Chi cục kiểm dịch thực vật vùng.

2. Chi cục Kiểm dịch thực vật vùng

- a) Trực tiếp thực hiện thủ tục và lập hồ sơ kiểm dịch thực vật theo thẩm quyền;

b) In ấn, phát hành các mẫu giấy nghiệp vụ kiểm dịch thực vật quy định tại Phụ lục I Thông tư này (trừ mẫu 6).

3. Tổ chức giám định sinh vật gây hại

Tổ chức giám định sinh vật gây hại phải đăng ký với Cục Bảo vệ thực vật mẫu chữ ký của người có thẩm quyền ký mẫu giấy 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Trường hợp thay đổi phải thông báo ngay với Cục Bảo vệ thực vật.

4. Chủ vật thể

a) Khai báo theo mẫu giấy đăng ký với cơ quan kiểm dịch thực vật; thực hiện các quy định trong giấy nghiệp vụ kiểm dịch thực vật đã được cấp;

b) Phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước thực hiện kiểm dịch thực vật theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 02 năm 2022.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 14/2012/TT-BNNPTNT ngày 27 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn hồ sơ nghiệp vụ kiểm dịch thực vật.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để xem xét sửa đổi, bổ sung./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Công báo Chính phủ; Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- UBND, Sở NN và PTNT các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Bộ NN & PTNT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ.. Cổng thông tin điện tử Bộ
- Chi Cục kiểm dịch thực vật vùng (để thực hiện);
- Lưu: VT, BVTV.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quốc Doanh

Phụ lục I

DANH MỤC MẪU GIẤY NGHIỆP VỤ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

1. Mẫu giấy 1: Biên bản giao nhận mẫu
2. Mẫu giấy 2: Biên bản kiểm tra kiểm dịch thực vật đối với phương tiện chuyên chở
3. Mẫu giấy 3: Biên bản kiểm dịch và lấy mẫu vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
4. Mẫu giấy 4: Biên bản giám sát xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật.
5. Mẫu giấy 5: Thông báo về kiểm dịch thực vật.
6. Mẫu giấy 6: Kết quả giám định sinh vật gây hại

FILE MẪU GIẤY NGHIỆP VỤ KIỂM DỊCH THỰC VẬT ĐƯỢC ĐÍNH KÈM THEO VĂN BẢN



Mau Phu luc I

Phụ lục II

MẪU DẤU NGHIỆP VỤ KIỂM DỊCH THỰC VẬT

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



Phụ lục III

MẪU TEM NIÊM PHONG KIỂM DỊCH THỰC VẬT

((Ban hành kèm theo Thông tư số /2021/TT-BNNPTNT ngày tháng năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

